

Số: **1383** /QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày **08** tháng 9 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành phương án điều tra đột xuất đánh giá tác động của dịch  
Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

### TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19; Nghị quyết số 84/NQ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-BKHĐT ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổ chức điều tra đột xuất đánh giá tác động của dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án điều tra đột xuất đánh giá tác động của dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**Điều 2.** Giám đốc các doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo phiếu điều tra.

**Điều 3.** Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng chủ trì, phối hợp với Cục thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ Kế hoạch tài chính xây dựng phương án điều tra, kinh phí tổ chức thực hiện và triển khai thực hiện phương án điều tra.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

**Điều 5.** Thủ trưởng các đơn vị có tên trong Điều 3, Chánh Văn phòng

Tổng cục Thống kê, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng Bộ KHĐT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục Thống kê;
- Lưu: VT, Vụ TKCN.



**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Hương**



## PHƯƠNG ÁN

### ĐIỀU TRA ĐỘT XUẤT ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

(Ban hành theo Quyết định số: **1383**/QĐ-TCTK ngày **09** tháng 9 năm 2020  
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

### 1. Mục đích điều tra

Điều tra đột xuất đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của doanh nghiệp nhằm đáp ứng các mục đích sau:

- Thu thập thông tin đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp, các giải pháp ứng phó của doanh nghiệp trước dịch Covid-19;

- Đánh giá hiệu quả của các chính sách, giải pháp hỗ trợ của Chính phủ, các cấp, các ngành và địa phương đã ban hành đối với hoạt động SXKD của doanh nghiệp trong thời gian qua;

- Cung cấp thông tin giúp Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục ban hành các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, ổn định và phát triển SXKD;

- Thu thập thông tin về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp để xây dựng Báo cáo năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

### 2. Yêu cầu điều tra

Cuộc điều tra đột xuất đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp và đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Thu thập nhanh, chính xác, đầy đủ các thông tin theo quy định của Phương án điều tra;

- Tổ chức thu thập thông tin, tổng hợp kết quả, bảo mật thông tin, công bố thông tin phải được thực hiện theo đúng quy định của Luật Thống kê;



- Quản lý và sử dụng kinh phí điều tra bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ tài chính hiện hành.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ VÀ PHẠM VI ĐIỀU TRA**

### **1. Đối tượng và đơn vị điều tra**

Đối tượng và đơn vị điều tra là các doanh nghiệp được thành lập và chịu sự điều tiết của Luật Doanh nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh trước thời điểm 01/01/2020.

### **2. Phạm vi điều tra**

Cuộc điều tra bao gồm các doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, hoạt động trong tất cả các ngành thuộc hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018); Không bao gồm:

(1) Ngành O- Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc;

(2) Ngành T- Hoạt động làm thuê các công việc trong các gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình.

## **III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, PHIẾU ĐIỀU TRA**

### **1. Nội dung điều tra**

Nội dung điều tra bao gồm 5 nhóm thông tin sau:

(1) Nhận dạng đơn vị điều tra: tên doanh nghiệp, địa chỉ, điện thoại, mã số thuế, loại hình kinh tế, ngành hoạt động sản xuất kinh doanh chính;

(2) Tình hình hoạt động SXKD của doanh nghiệp;

(3) Các giải pháp ứng phó của doanh nghiệp trước ảnh hưởng của dịch Covid-19;

(4) Đánh giá hiệu quả các giải pháp của Chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, giảm thiểu thiệt hại do dịch Covid-19;

(5) Chuyên đề về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (áp dụng cho các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra).

### **2. Phiếu điều tra**

Có 02 loại phiếu điều tra:

- *Phiếu số 1/ĐTDN-COVID-19: Phiếu thu thập thông tin đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp* (Áp dụng đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp).

- **Phiếu số 2/ĐTDN-NLCT: Phiếu khảo sát năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp** (Áp dụng cho các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra).

Nội dung Phiếu điều tra được quy định trong Phụ lục.

#### **IV. DANH MỤC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA**

Cuộc điều tra sử dụng các bảng danh mục sau:

- Bảng phân ngành kinh tế: Áp dụng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ (VSIC2018);

- Danh mục các đơn vị hành chính: Áp dụng Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi cập nhật đến thời điểm 31/12/2019.

#### **V. THỜI KỲ SỐ LIỆU, THỜI GIAN THU THẬP THÔNG TIN**

##### **1. Thời kỳ số liệu**

Thời kỳ số liệu là 9 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2020 về tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

##### **2. Thời gian thu thập thông tin**

Thời gian thu thập thông tin: từ ngày 10/9/2020 đến hết ngày 20/9/2020.

#### **VI. LOẠI ĐIỀU TRA VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN**

##### **1. Loại điều tra**

Cuộc điều tra được thực hiện theo phương pháp điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu. Cụ thể như sau:

**Điều tra toàn bộ:** Áp dụng đối với toàn bộ các doanh nghiệp nhằm thu thập thông tin đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

**Điều tra chọn mẫu:** Áp dụng đối với các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra (thực hiện phiếu số 2/ĐTDN-NLCT) nhằm thu thập thêm thông tin chuyên đề về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp vừa và lớn. Số lượng mẫu được chọn bao gồm khoảng 1000 doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn (có doanh thu năm 2019 đạt từ 300 tỷ đồng trở lên) trên phạm vi cả nước. Danh sách doanh nghiệp được chọn điều tra mẫu do Tổng cục Thống kê chọn và gửi Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Cục Thống kê) thực hiện điều tra.

**Chọn mẫu thay thế trong trường hợp mất mẫu:** Trường hợp mất mẫu điều tra, Cục Thống kê liệt kê các doanh nghiệp mất mẫu, gửi về Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, Tổng cục Thống kê để có hướng dẫn bổ sung mẫu điều tra.

## **2. Phương pháp thu thập thông tin**

Doanh nghiệp thực hiện cung cấp thông tin qua bảng hỏi điện tử trên Trang thông tin điện tử điều tra trực tuyến của Điều tra doanh nghiệp năm 2020.

Điều tra viên có trách nhiệm cung cấp tài khoản, mật khẩu và trực tiếp hướng dẫn doanh nghiệp đăng nhập vào hệ thống và điền thông tin vào bảng hỏi điện tử.

## **VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ THÔNG TIN VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA**

### **1. Xử lý thông tin phiếu điều tra**

- Thông tin trên bảng hỏi điện tử được lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê. Dữ liệu điều tra được kiểm tra, làm sạch, xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin theo quy định của Phương án điều tra.

- Xử lý dữ liệu trên Trang thông tin điện tử: Tổng cục Thống kê xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, xử lý và phổ biến thông tin tập trung trên trang Thông tin điện tử Tổng cục Thống kê.

### **2. Tổng hợp kết quả điều tra**

Kết quả điều tra được tổng hợp theo hệ thống biểu tổng hợp chung theo hai cấp: Toàn quốc và cấp tỉnh.

## **VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA**

**1. Chuẩn bị điều tra:** Thời gian thực hiện từ ngày 15/8/2020 đến ngày 05/9/2020, gồm các công việc:

- a) Ban hành Quyết định và Phương án điều tra;
- b) Chọn mẫu điều tra;
- c) Xây dựng kế hoạch điều tra, thiết kế bảng hỏi, hệ thống biểu tổng hợp, thiết kế phần mềm thu thập và tổng hợp kết quả điều tra.

**2. Triển khai điều tra:** Thời gian thực hiện từ ngày 06/9/2020 đến ngày 20/09/2020, gồm các công việc:

- a) Cục Thống kê: tuyển chọn điều tra viên theo tiêu chuẩn quy định; tổ chức triển khai tập huấn cho điều tra viên, giám sát viên về nội dung, cách thức điền



bảng hỏi điện tử và phương pháp thu thập thông tin theo quy định của Phương án điều tra;

b) Triển khai thu thập thông tin: *từ ngày 10/9/2020 đến ngày 20/9/2020.*

Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê triển khai các công việc sau:

- Lập tài khoản và mật khẩu đăng nhập cho từng doanh nghiệp;
- Triển khai cung cấp tài khoản và mật khẩu đăng nhập đến từng doanh nghiệp;
- Hướng dẫn doanh nghiệp truy cập và cung cấp thông tin qua bảng hỏi điện tử (web-form);
- Tuyên truyền, khuyến khích doanh nghiệp hưởng ứng và tích cực tham gia cuộc điều tra;
- Kiểm soát tiến độ, đôn đốc và hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện cung cấp thông tin cho cuộc điều tra trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê.

### **3. Tổng hợp, phân tích và công bố kết quả điều tra**

a) Tổng hợp và phân tích kết quả điều tra: *Từ ngày 21/9/2020 đến ngày 25/9/2020.*

b) Công bố kết quả điều tra: *trước ngày 01/10/2020.*

## **IX. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN**

### **1. Cấp Trung ương**

(1) Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Quyết định, phương án, phiếu điều tra, biểu tổng hợp kết quả điều tra; tổ chức triển khai điều tra; tổng hợp và biên soạn báo cáo kết quả điều tra;

(2) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê: Phối hợp với Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng xây dựng phần mềm thu thập thông tin trực tuyến, kiểm tra và tổng hợp kết quả điều tra trên Trang thông tin điện tử điều tra trực tuyến của Điều tra doanh nghiệp năm 2020;

(3) Vụ Kế hoạch tài chính: Phối hợp với Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng xây dựng định mức kinh phí, hướng dẫn sử dụng và quyết toán kinh phí cho cuộc điều tra phù hợp với quy định của pháp luật;

(4) Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê: Phối hợp với Tạp chí Con số và Sự kiện, Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền thông tin về cuộc điều tra trên các phương tiện thông tin đại chúng.

## **2. Cấp địa phương**

Cục trưởng Cục Thống kê trực tiếp chỉ đạo triển khai điều tra theo phương án quy định, đảm bảo tính kịp thời, chất lượng và hiệu quả.

Để thực hiện điều tra nhanh, kịp thời, hiệu quả, Cục Thống kê cần phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí và các đơn vị có liên quan tại địa phương tổ chức tuyên truyền mục đích, nội dung, ý nghĩa của cuộc điều tra để doanh nghiệp hưởng ứng và tích cực tham gia.

## **X. KINH PHÍ ĐIỀU TRA**

Kinh phí điều tra được cân đối từ nguồn ngân sách Nhà nước bố trí cho Tổng cục Thống kê đáp ứng các công việc thực hiện theo yêu cầu phương án điều tra. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thực hiện quyết toán kinh phí điều tra năm 2020 của Tổng cục Thống kê.

Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng; Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính; Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được cấp theo chế độ tài chính hiện hành, đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra./.



**PHỤ LỤC**

Phiếu số: 1/ĐTDN-COVID-19

## TỔNG CỤC THỐNG KÊ

### PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

#### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số thuế: 

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ngành hoạt động SXKD chính: ..... 

--	--

Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp tại thời điểm 10/9/2020:

- Đang hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tạm ngừng hoạt động SXKD và có kế hoạch quay trở lại hoạt động
- Ngừng hoạt động và chưa có kế hoạch quay trở lại hoạt động => *Chuyển đến mục IV*
- Chờ giải thể/Phá sản => *Chuyển đến mục IV*

#### II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP HIỆN NAY VÀ KẾ HOẠCH ĐẾN HẾT NĂM 2020

##### 1. Lao động của doanh nghiệp

a. Số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm 10/9/2020	Tổng số: .....Người <i>Trong tổng số:</i> 1. Số lao động tạm nghỉ việc không lương .....Người 2. Số lao động giãn việc/nghỉ luân phiên .....Người 3. Số lao động bị giảm lương .....Người
b. Dự kiến lao động bình quân 9 tháng 2020 so với lao động bình quân 9 tháng 2019	1. Tăng => % tăng:..... 2. Giảm => % giảm:..... 3. Không thay đổi
c. Dự kiến lao động bình quân năm 2020 so với lao động bình quân năm 2019	1. Tăng => % tăng:..... 2. Giảm => % giảm:..... 3. Không thay đổi

##### 2. Doanh thu của doanh nghiệp

a. Dự kiến doanh thu 9 tháng 2020 so với 9 tháng 2019	1. Tăng => % tăng:..... 2. Giảm => % giảm:..... 3. Không thay đổi
b. Nếu dịch bệnh được kiểm soát tốt, dự kiến doanh thu năm 2020 so với năm 2019	1. Tăng => % tăng:..... 2. Giảm => % giảm:..... 3. Không thay đổi
c. Nếu dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp, dự kiến doanh thu năm 2020 so với năm 2019:	1. Tăng => % tăng:..... 2. Giảm => % giảm:..... 3. Không thay đổi

### 3. Doanh nghiệp đánh giá tác động của dịch Covid-19 tới hoạt động SXKD

- a. Tác động tích cực
- b. Tác động tiêu cực
- c. Không tác động gì đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp

### 4. Dịch Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp

#### 4.1. Dịch Covid-19 ảnh hưởng tới nguồn nguyên liệu, hàng hóa đầu vào

a. Nguồn nguyên liệu, hàng hóa đầu vào (bao gồm cả trong nước và nhập khẩu) đáp ứng nhu cầu SXKD của DN thay đổi như thế nào?	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tăng</li> <li>2. Giảm =&gt; Nguồn nguyên liệu, hàng hóa đầu vào hiện có đáp ứng bao nhiêu % nhu cầu của DN: .....(%)</li> <li>3. Không thay đổi</li> <li>4. Không có nhu cầu nguồn nguyên liệu, hàng hóa đầu vào =&gt; Chuyển đến mục 4g</li> </ol>
b. Nguồn nguyên liệu, hàng hóa đầu vào trong nước đáp ứng nhu cầu SXKD của DN thay đổi như thế nào?	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tăng =&gt; Chuyển đến 4d</li> <li>2. Giảm</li> <li>3. Không thay đổi =&gt; Chuyển đến 4d</li> <li>4. Không có nhu cầu sử dụng nguồn nguyên liệu, hàng hóa đầu vào trong nước =&gt; Chuyển đến 4d</li> </ol>
c. Lý do thiếu hụt nguồn nguyên liệu, hàng hóa đầu vào trong nước (có thể chọn nhiều phương án)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Số lượng doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu, hàng hóa cho doanh nghiệp giảm đi</li> <li>2. Giá nguyên liệu, hàng hóa đầu vào trong nước tăng lên</li> <li>3. Chi phí vận chuyển, lưu kho tăng</li> <li>4. Chất lượng nguyên liệu, hàng hóa đầu vào đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn của doanh nghiệp giảm đi</li> <li>5. Lý do khác, ghi rõ:.....</li> </ol>
d. Nguồn nguyên liệu, hàng hóa đầu vào từ nhập khẩu đáp ứng nhu cầu SXKD của DN thay đổi như thế nào?	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tăng =&gt; Chuyển đến 4g</li> <li>2. Giảm</li> <li>3. Không thay đổi =&gt; Chuyển đến 4g</li> <li>4. Không có nhu cầu sử dụng nguồn nguyên liệu, hàng hóa đầu vào từ nhập khẩu =&gt; Chuyển đến 4g</li> </ol>
e. Lý do thiếu hụt nguồn nguyên liệu, hàng hóa từ nhập khẩu (có thể chọn nhiều phương án)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Số lượng doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu, hàng hóa cho doanh nghiệp giảm đi</li> <li>2. Giá nguyên liệu, hàng hóa đầu vào từ nhập khẩu tăng lên</li> <li>3. Chi phí vận chuyển, lưu kho tăng</li> <li>4. Chất lượng nguyên liệu, hàng hóa đầu vào đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn của doanh nghiệp giảm đi</li> <li>5. Khó khăn trong lưu thông nguyên liệu/hàng hóa do một số thị trường nhập khẩu áp dụng biện pháp phong tỏa/đóng cửa biên giới</li> <li>6. Lý do khác, ghi rõ:.....</li> </ol>
f. Nguồn nguyên liệu, hàng hóa từ nhập khẩu của doanh nghiệp chủ yếu đến từ: (chọn tối đa 3 phương án)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Châu Âu</li> <li>2. Khu vực Đông Nam Á</li> <li>3. Mỹ</li> <li>4. Trung Quốc</li> <li>5. Nhật Bản</li> <li>6. Hàn Quốc</li> <li>7. Khác</li> </ol>



#### 4.2. Dịch Covid-19 ảnh hưởng tới thị trường tiêu thụ

g. Thị trường tiêu thụ trong nước của doanh nghiệp bị ảnh hưởng như thế nào?	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tăng</li> <li>2. Giảm</li> <li>3. Không thay đổi</li> <li>4. DN không tiêu thụ ở thị trường trong nước</li> </ol>
h. Thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp bị ảnh hưởng như thế nào?	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tăng =&gt; Chuyển đến 4k</li> <li>2. Giảm</li> <li>3. Không thay đổi =&gt; Chuyển đến 4k</li> <li>4. Không có hoạt động xuất khẩu =&gt; Chuyển đến 4k</li> </ol>
i. Lý do thị trường xuất khẩu bị thu hẹp (có thể chọn nhiều phương án)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sụt giảm đơn hàng xuất khẩu</li> <li>2. Khó khăn trong lưu thông hàng hóa do một số thị trường xuất khẩu đang áp dụng biện pháp phong tỏa/dóng cửa biên giới</li> <li>3. Chi phí vận chuyển, lưu kho tăng</li> <li>4. Lý do khác, ghi rõ.....</li> </ol>
j. Thị trường xuất khẩu chủ yếu của doanh nghiệp: (chọn tối đa 3 phương án)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Châu Âu</li> <li>2. Khu vực Đông Nam Á</li> <li>3. Mỹ</li> <li>4. Trung Quốc</li> <li>5. Nhật Bản</li> <li>6. Hàn Quốc</li> <li>7. Khác</li> </ol>

#### 4.3. Khó khăn trong tiếp cận vốn vay

- k. Khó khăn của doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn vay (vốn vay thương mại, vốn từ các quỹ đầu tư tài chính, vốn từ các quỹ hỗ trợ khác)  
(có thể chọn nhiều phương án, sắp xếp theo mức độ khó khăn giảm dần từ 1 đến 6)

	Xếp hạng
Quy trình, thủ tục vay vốn phức tạp	
Không có tài sản thế chấp	
Có nhiều dư nợ	
Khó khăn khác	
Không có khó khăn nào trong việc tiếp cận vốn vay	
Không có nhu cầu vay vốn	

### III. CÁC GIẢI PHÁP DOANH NGHIỆP ÁP DỤNG ĐỂ ỨNG PHÓ TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19

#### 5. Các giải pháp DN đã/đang áp dụng để ứng phó trước tác động của dịch Covid-19

a. Các giải pháp doanh nghiệp đã/đang áp dụng do tác động của dịch Covid-19 (có thể chọn nhiều phương án) (Điều kiện: Nếu chọn phương án 1, trả lời tiếp)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đẩy mạnh thương mại điện tử</li> <li>2. Chuyển đổi sản phẩm/dịch vụ chủ lực</li> <li>3. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn/tay nghề cho người lao động</li> <li>4. Tìm thị trường mới cho nguyên liệu</li> </ol>
---	--

<i>các câu hỏi tiếp theo (từ câu 5b đến câu 5d, nếu không, chuyển đến câu 5e)</i>	đầu vào 5. Tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra ngoài thị trường truyền thống 6. Sản xuất/cung cấp mặt hàng/dịch vụ mới theo nhu cầu của thị trường trong giai đoạn dịch bệnh 7. Khác 8. Không áp dụng giải pháp nào
b. Hoạt động nào đã/đang được doanh nghiệp bắt đầu sử dụng hoặc tăng cường sử dụng internet, mạng xã hội trực tuyến, các ứng dụng (APP) chuyên biệt hoặc các nền tảng số để ứng phó với dịch Covid-19?	1. Quản trị nội bộ doanh nghiệp 2. Quá trình sản xuất 3. Quản lý chuỗi cung ứng 4. Quản lý chuỗi phân phối 5. Marketing 6. Hình thức thanh toán 7. Bán hàng và dịch vụ sau bán hàng 8. Tìm kiếm nguồn tài chính mới 9. Khác
c. Tỷ lệ doanh thu bán hàng qua các nền tảng kỹ thuật số so với tổng doanh thu của doanh nghiệp là bao nhiêu? (các nền tảng kỹ thuật số như Amazon, eBay, tiki, sendo, lazada, shopee..., các ứng dụng (APP), trang web riêng của doanh nghiệp)	Dự kiến 9 tháng đầu năm 2020:.....(%) 9 tháng đầu năm 2019:.....(%)
d. Doanh nghiệp đã có đầu tư vào thiết bị, công nghệ, phần mềm IT hoặc giải pháp kỹ thuật số mới để ứng phó với dịch Covid-19 không?	1. Có 2. Không
e. Doanh nghiệp liên kết với các doanh nghiệp khác để cùng chia sẻ khó khăn trước tác động của dịch Covid-19 theo hình thức nào?	1. Hàng đổi hàng 2. Chia sẻ đơn hàng 3. Cho vay 4. Cho trả chậm tiền hàng 5. Khác 6. Không có liên kết

#### 6. Các giải pháp doanh nghiệp dự kiến áp dụng trong thời gian tới để đối phó với ảnh hưởng của dịch Covid-19

*(có thể chọn nhiều phương án, đánh số thứ tự theo mức độ ưu tiên giảm dần từ 1,2 đến thứ tự cuối cùng về các giải pháp có khả năng được doanh nghiệp áp dụng cao nhất trong thời gian tới)*

	Xếp hạng
Đẩy mạnh thương mại điện tử	
Tập trung phát triển chuỗi cung ứng trong nước để thay thế nguồn nhập khẩu	
Tập trung phát triển thị trường tiêu thụ trong nước	
hay đổi giá sản phẩm, dịch vụ	
Chuyển đổi sản phẩm chủ lực	
Sản xuất sản phẩm mới đối với thị trường	
Khác, ghi rõ:.....	

#### IV. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

##### 7. Các chính sách hỗ trợ DN đã được triển khai và hiệu quả của chính sách hỗ trợ

a. Từ khi dịch Covid-19 bùng phát, DN có nhận được bất kì gói hỗ trợ của nhà nước để đối phó với khủng hoảng không?	1. Có => Chuyển đến câu 7b 2. Không => Chuyển đến câu 7e
b. Các gói hỗ trợ doanh nghiệp đã được thụ hưởng có liên quan đến chính sách nào sau đây:  <i>(có thể chọn nhiều phương án)</i>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí kinh doanh cho DN (bao gồm cả chi phí logistics)</li> <li>2. Các chính sách về tín dụng, tài chính             <ol style="list-style-type: none"> <li>2a. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các khoản nợ</li> <li>2b. Miễn, giãn, giảm lãi vay, phí ngân hàng</li> <li>2c. Miễn, giảm phí dịch vụ thanh toán điện tử</li> </ol> </li> <li>3. Các chính sách về thuế, phí, lệ phí             <ol style="list-style-type: none"> <li>3a. Gia hạn nộp thuế/miễn tiền chậm nộp thuế theo công văn số 897 ngày 03/3/2020 của Tổng cục Thuế</li> <li>3b. Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định 41</li> <li>3c. Giảm phí, lệ phí</li> <li>3d. Giảm tiền thuê đất và gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt</li> </ol> </li> <li>4. Các chính sách về lao động và BHXH             <ol style="list-style-type: none"> <li>4a. Tạm dừng đóng BHXH và kinh phí công đoàn</li> <li>4b. Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và quỹ tử tuất</li> <li>4c. Vay NHCS xã hội với lãi suất 0% để trả lương ngừng việc cho người lao động theo Nghị quyết 42</li> </ol> </li> <li>5. Các chính sách về thị trường             <ol style="list-style-type: none"> <li>5a. Đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu và tìm thị trường mới</li> <li>5b. Phát triển thị trường trong nước</li> <li>5c. Tìm kiếm nguồn cung nguyên liệu thay thế hàng nhập khẩu</li> </ol> </li> <li>6. Khác, ghi rõ : .....</li> </ol>
c. Thời gian trung bình từ lúc nộp hồ sơ xét duyệt xin hỗ trợ đến lúc nhận được hỗ trợ kéo dài trong bao nhiêu lâu?	.....Ngày làm việc

d. Doanh nghiệp đánh giá mức độ tác động của gói hỗ trợ đã được thụ hưởng tới tình hình hoạt động SXKD của doanh nghiệp

*(đánh dấu vào 1 mức độ tác động theo thang điểm từ 1 đến 4, trong đó: 1 là không tác động, 2 là tác động không đáng kể, 3 là tác động tích cực, 4 là tác động rất tích cực)*

	Đánh giá mức độ tác động			
	1	2	3	4
Cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí kinh doanh cho DN (bao gồm cả chi phí logistics)				
Các chính sách về tín dụng, tài chính				
Các chính sách về thuế, phí, lệ phí				
Các chính sách về lao động và BHXH				
Các chính sách về thị trường				

*(kết thúc câu 7d, chuyển đến câu 8a)*



<p>e. Lý do doanh nghiệp không nhận được bất kỳ hỗ trợ nào của nhà nước để ứng phó với tác động của dịch Covid-19? (có thể chọn nhiều phương án) (Nếu chọn phương án 1, 2, 3, 5, chuyển đến câu 8a)</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Không biết về chính sách</li> <li>2. Quy trình, thủ tục tiếp cận quá khó khăn</li> <li>3. Không đáp ứng được điều kiện để nhận hỗ trợ</li> <li>4. Đã nộp hồ sơ xin hỗ trợ nhưng chưa được nhận</li> <li>5. Lý do khác (ghi rõ) .....</li> </ol>
<p>g. Thời gian trung bình từ lúc nộp hồ sơ xét duyệt xin hỗ trợ đến thời điểm hiện tại kéo dài bao nhiêu lâu?</p>	<p>.....Ngày làm việc</p>

### 8. Kỳ vọng của doanh nghiệp về các giải pháp hỗ trợ của Chính phủ trong thời gian tới

- a. Trong thời gian tới, doanh nghiệp kỳ vọng Chính phủ sẽ đưa ra các giải pháp nào dưới đây nhằm hỗ trợ hoạt động SXKD của doanh nghiệp do tác động của dịch Covid-19  
(có thể chọn nhiều phương án, đánh số thứ tự theo mức độ quan trọng giảm dần từ 1, 2 đến thứ tự cuối cùng)

	Xếp hạng
Gia hạn và sửa đổi các giải pháp, chính sách về thuế và tiền thuê đất đã và đang thực hiện theo nghị định 41/2020/NĐ-CP	
Gia hạn và sửa đổi các chính sách về tài chính, tín dụng	
Mở rộng đối tượng được hỗ trợ tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 9/4/2020, giảm bớt thủ tục chứng minh tình hình tài chính của người sử dụng lao động, người lao động	
Tiếp tục các chính sách kích cầu tiêu dùng trong nước tháo gỡ khó khăn cho SXKD	
Hoãn thời hạn áp dụng khung giá đất mới theo quy định tại Nghị định 96/2019/NĐ-CP đến hết năm 2021	
Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động chuyển nghề do thay đổi hoặc mất việc làm do ảnh hưởng của dịch Covid-19	
Rà soát, điều chỉnh giảm phí, lệ phí áp dụng cho năm 2021 để giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp	

- b. Ngoài những giải pháp trên, DN có đề xuất giải pháp nào khác không? (ghi cụ thể):

.....  
 .....

***Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông/Bà!***

Họ và tên người trả lời thông tin:.....

Chức danh người trả lời thông tin:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

## TỔNG CỤC THỐNG KÊ

### PHIẾU KHẢO SÁT NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP

#### A. THÔNG TIN CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số thuế: 

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

#### B. NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP

##### I. Tầm nhìn, chiến lược phát triển doanh nghiệp

1. DN có xây dựng tầm nhìn và chiến lược phát triển DN không?	1. Có => chuyển câu 1.1 2. Không 3. Đang xây dựng
1.1. DN có áp dụng các biện pháp để đảm bảo thực hiện được tầm nhìn và chiến lược đặt ra hay không?	1. Có 2. Không 3. Đang xây dựng
2. DN có chiến lược/kế hoạch xây dựng thương hiệu của DN/sản phẩm chủ lực của DN trên thị trường khu vực và quốc tế không?	1. Có 2. Không 3. Đang xây dựng
3. Để lớn mạnh, DN có chấp nhận M&A (mua bán, sáp nhập) với các DN khác không?	1. Có 2. Không
4. DN có thành lập DN con/chi nhánh tại nước ngoài không?	1. Có 2. Không 3. Đang xây dựng kế hoạch
5. DN có nhận diện được các cơ hội và thách thức khi các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA,...) có hiệu lực không?	1. Nhận biết rõ => chuyển câu 5.1 2. Chưa nhận diện được vấn đề cụ thể
5.1. Hành động của DN	1. Đã có kế hoạch sẵn sàng hội nhập 2. Đang xây dựng kế hoạch 3. Chưa có kế hoạch gì cụ thể

##### II. Năng lực tổ chức quản lý doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của DN có thể ra quyết định nhanh phù hợp với yêu cầu công việc không?	1. Có 2. Không 3. Đang có kế hoạch cơ cấu hệ thống quản lý
2. DN có hệ thống giám sát để phát hiện và khắc phục các sự cố trong quản lý điều hành không?	1. Có 2. Không 3. Đang có kế hoạch xây dựng
3. Đổi mới bộ máy tổ chức của DN	1. Luôn được đổi mới để phù hợp với công việc. 2. Chỉ đổi mới khi gặp sự cố lớn trong kinh doanh. 3. Tổ chức bộ máy của DN quá lớn và khó thay đổi. 4. Không có kế hoạch đổi mới

### III. Nguồn nhân lực

1. Lao động của DN có năng lực, trình độ, kinh nghiệm hoạt động tại môi trường quốc tế không?	1. Có => chuyển câu 1.1 2. Không
1.1. Tỷ lệ nhân viên sử dụng được ít nhất 01 ngoại ngữ thành thạo khi làm việc	1. Dưới 10% tổng số lao động của DN 2. Từ 10-50% tổng số lao động của DN 3. Trên 50% tổng số lao động của DN
2. DN có định kỳ tổ chức/cử lao động tham gia đào tạo và nâng cao trình độ/tay nghề không?	1. Có, chiếm ..... % doanh thu hàng năm dành cho hoạt động này 2. Không đủ kinh phí 3. Không có nhu cầu
3. DN có chế độ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động không?	1. Có, chiếm .....% doanh thu hàng năm dành cho hoạt động này 2. Không

### IV. Thị trường

1. Tỷ lệ sản phẩm/dịch vụ chủ lực của DN trên thị trường ( <i>trường hợp DN có nhiều mặt hàng/dịch vụ chủ lực, lựa chọn mặt hàng/dịch vụ có doanh thu lớn nhất</i> )	1. ....% thị trường trong nước 2. ....% thị trường nước ngoài 3. Không biết
2. DN có sản phẩm/dịch vụ giao dịch trên thị trường quốc tế hay không?	1. Có => chuyển câu 2.1 và 2.2 2. Không
2.1 Đặc điểm sản phẩm/dịch vụ của DN ( <i>Có thể chọn nhiều hơn 1 phương án</i> )	1. Gia công theo đơn đặt hàng của DN nước ngoài 2. Sản phẩm/dịch vụ mang thương hiệu của DN trên thị trường quốc tế. 3. Sản phẩm/dịch vụ nằm trong chuỗi giá trị toàn cầu 4. Khác: .....
2.2. DN có được giao dịch quốc tế nhờ: ( <i>Có thể chọn nhiều hơn 1 phương án</i> )	1. Đối tác nước ngoài tự tìm đến DN 2. DN có chiến lược cụ thể tìm đối tác nước ngoài 3. Do bạn hàng giới thiệu 4. Khác: .....
3. DN có hệ thống thông tin/thường xuyên cập nhật về thị trường sản phẩm và đối thủ cạnh tranh của DN hay không?	1. Có 2. Không 3. Đang có kế hoạch xây dựng
4. DN có khả năng kiểm soát thị trường/định giá sản phẩm, dịch vụ trên thị trường không? ( <i>Có thể chọn nhiều hơn 1 phương án</i> )	1. Có khả năng ở thị trường trong nước 2. Có khả năng ở thị trường nước ngoài 3. Có khả năng ở cả thị trường trong nước và nước ngoài 4. Không
5. Doanh nghiệp có kế hoạch tiếp tục mở rộng hoặc chiếm lĩnh thị trường không?	1. Có 2. Không 3. Thị phần đang bị sụt giảm



## V. Công nghệ, đổi mới sáng tạo

1. DN có khả năng tự chủ về mặt công nghệ để sản xuất và đổi mới sản phẩm, dịch vụ không?	1. Có => chuyển câu 1.1 2. Không
1.1 Mức độ tự chủ về công nghệ	1. Công nghệ tự nghiên cứu, phát triển và đăng ký bản quyền 2. Mua/nhận chuyển giao 3. Đi thuê 4. Khác.....
2. DN có bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D) không?	1. Có => chuyển câu 2.1 2. Không
2.1 Mức độ đầu tư vào R&D so với tổng doanh thu hàng năm của DN	1. Dưới 10% 2. 10-20% 3. 20-50% 4. Trên 50%
3. Mức độ đầu tư dành cho đổi mới công nghệ so với tổng doanh thu hàng năm của DN	1. Dưới 10% 2. 10-20% 3. 20-50% 4. Trên 50%
4. Mức độ công nghệ hiện đang áp dụng tại DN	1. Từ trước những năm 90. 2. Tương đương so với khu vực ASEAN/ Trung Quốc 3. Tương đương so với châu Âu/Mỹ/Nhật Bản/ Hàn Quốc 4. Vượt trội trên thế giới 5. Khác
5. DN có áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ quốc tế không?	1. Có 2. Không 3. Đang có kế hoạch áp dụng

## VI. Năng lực tạo lập các mối quan hệ

	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Chưa tốt
1. Khả năng quan hệ với các nhà cung cấp	1	2	3	4
2. Khả năng quan hệ với các nhà phân phối	1	2	3	4
3. Khả năng liên kết với các DN cùng ngành	1	2	3	4
4. Khả năng quan hệ với chính quyền địa phương	1	2	3	4

## VII. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ

Đề DN có thể phát triển và vươn lên thành DN dẫn đầu trong ngành/lĩnh vực hoặc sản phẩm, DN có kiến nghị cụ thể về chính sách đột phá với Chính phủ? (Đề nghị ghi rõ):

.....

.....